TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 01-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Hùng;

2. Bà Bồ Thị Thái.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 28 tháng 02 năm 2023 đến ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị Mai B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 7 năm 1984 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Văn phòng Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nm; đảng phái đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 53-QĐ/UBKTĐUK ngày 19/6/2020 của Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Sơn La; bị cáo con ông Hoàng X (đã chết) và bà Lò Thị S, sinh năm 1958; có chồng là Trần Thành Nam và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Có 02 lần bị xét xử:

- Tại bản án số 41/2020/HS- ST ngày 14/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tại bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2021 của bản án đến Ny, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Vũ H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23 tháng 9 năm 1982 tại tHnh phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Tổ 5, phường Tô Hiệu, tHnh phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nm; đảng phái đoàn thể: Không; bị cáo con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị Hỏa, sinh năm 1957; có 02 vợ là Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Thị Huyền Trang (đều đã ly hôn), có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018) tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/10/2014, bị kết án tại Bản án số 06/2014/HSST ngày 29/10/2014 của Tòa án nhân dân tHnh phố Sơn La, áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, khoản 1, khoản 2 điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đến Ny đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2022 đến ngày 30/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến Ny, bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Quàng Thị D - sinh năm 1986; trú tại: Bản Hụm, xã X, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thành N - sinh năm 1981; Nơi ĐKNKTT: Tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nơi ở hiện tại: Khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, T. Có đơn xin vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Huyền Tr - sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Lê N - sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 15, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin vắng mặt.

4. Chị H Thị Q - sinh năm 1982; Trú tại: Tổ 14, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1957; Đều trú tại: Tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2018, khi đang công tác tại trường THPT Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La và muốn chuyển công tác ra tHnh phố Sơn La để được gần nH nên chị Quàng Thị D đã nhờ chị H Thị Q quen biết ai thì xin chuyển công tác cho chị D, Quyên đồng ý. Tháng 11/2018, Quyên nhờ Nguyễn Vũ H xin chuyển công tác cho chị D, H đồng ý và thông tin "Có người nH làm ở UBND tỉnh Sơn La có thể xin chuyển được công tác". Sau đó, H gặp Hoàng Thị Mai B (thời điểm đó B là lao động hợp đồng tại Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, là chị dâu của vợ H) để nhờ B xin chuyển công tác cho chị D.

Đến cuối tháng 11/2018, B trao đổi với H là Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La có chỉ tiêu tuyển công chức, bảo H nói với chị D nếu muốn chuyển công tác đến cơ quan đó thì B và chị H công tác ở B tổ chức Tỉnh ủy Sơn La sẽ giúp với chi phí 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau đó, H trao đổi với Quyên và bảo Quyên hỏi chị D nếu muốn chuyển công tác đến Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La thì phải chi phí 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) thì chị D đồng ý.

Thời gian đó, H chủ động gọi điện thoại cho chị D, giới thiệu là bạn của Quyên và là người quen của chị H làm ở B tổ chức Tỉnh ủy Sơn La (H là người đang giải quyết chuyển công tác cho chị D) và yêu cầu chị D nộp hồ sơ xin chuyển công tác và 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền đặt cọc cho H để chuyển cho chị H hẹn đến tháng 4/2019 sẽ có quyết định chuyển công tác.

Ngày 25/11/2018, chị D và anh Quàng Văn Tiến (chồng chị D) gặp H nộp hồ sơ xin chuyển công tác, nhưng chưa tin tưởng H nên chị D đến nH Quyên để giao 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền đặt cọc cho Quyên và Quyên tự viết giấy vay tiền. Sau đó, Quyên chuyển hết số tiền trên cho H. H chuyển bộ hồ sơ xin chuyển công tác của chị D cho B. Ngày 10/12/2018, H gọi điện cho chị D yêu cầu đưa thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để xin Dyệt hồ sơ chuyển công tác nhưng do không tin tưởng H nên chị D đưa số tiền trên cho Quyên và Quyên đã viết thêm nội Dng nhận thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào Giấy vay tiền ngày 25/11/2018, sau đó Quyên đã đưa hết số tiền trên cho H.

Tháng 3/2019, B nói với H yêu cầu chị D chuyển 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) rồi sẽ có quyết định chuyển công tác. Ngày 15/3/2019, H dẫn chị D đến khu vực đồi thanh niên (cạnh trụ sở UBND tỉnh Sơn La cũ), tại đây chị D giao trực tiếp cho B 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). B nói sẽ đưa tiền cho chị H công tác tại B tổ chức Tỉnh ủy Sơn La để xin chuyển công tác cho chị D, đồng thời chụp ảnh giấy chứng minh nhân dân của chị D rồi bảo chị D và H đợi nhận giấy biên nhận tiền. Để tạo lòng tin, B đi vào trụ sở UBND tỉnh Sơn La cũ, tự đánh máy

01 giấy vay tiền với nội Dng Nguyễn Thị Phương H vay của chị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tự ký dưới mục "*người vay*" bằng một chữ ký có đường nét khác so với chữ ký của B sử dụng hằng ngày rồi đưa cho H giấy vay tiền để chuyển cho chị D và nói đã đưa tiền cho chị H làm cùng cơ quan, chị H chắc chắn sẽ xin chuyển công tác cho chị D. Sau đó, B đã sử dụng số tiền trên chi tiêu cá nhân, không xin chuyển công tác được cho chị D.

Sau một thời gian không thấy có quyết định chuyển công tác, chị D đã nhiều lần gọi điện cho H. Để chị D tin tưởng, tháng 10/2019, H gặp và nhờ Nguyễn Lê N - trú tại tổ 2, phường Chiềng Sinh, tHnh phố Sơn La giả danh người phụ nữ tên H công tác tại Sở Nội vụ tỉnh Sơn La, gặp chị D tại khu vực cổng Sở Nội vụ tỉnh Sơn La nói rằng hồ sơ của chị D đang được H xem xét, giải quyết.

Tháng 12/2019, H thấy trên cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh Sơn La công bố bản Thông báo số 200 ngày 02/12/2019 về kết quả xét tuyển dụng công chức tỉnh Sơn La và bản word danh sách thí sinh xét tuyển dụng công chức năm 2019 nên đã tải về máy tính. Khi không thấy có tên chị D trong bản danh sách thí sinh của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La, H đã xóa thông tin của 01 thí sinh và chèn thông tin của chị D vào rồi in trang danh sách vừa chỉnh sửa cùng bản Thông báo số 200 ngày 02/12/2019. Sau đó, H sắp xếp cho chị D gặp N (giả danh H), nhờ N chuyển cho chị D 02 văn bản đã in trước đó và nói chị D đã có tên trong danh sách tuyển dụng, cứ yên tâm chờ quyết định chuyển công tác.

Khi B và H không xin chuyển công tác cho chị D được như đã thỏa thuận, ngày 20/02/2020, H nhờ N gặp D nói rằng không chuyển được công tác cho chị D nữa. Sau đó, chị D nhiều lần gọi H để đòi lại tiền nhưng không được. H đã nhiều lần viết giấy hẹn trả tiền, cam kết trả lại cho chị D 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng đến ngày 01/7/2022 H chưa trả khoản tiền nào nên chị D đã làm đơn tố cáo Hnh vi của Hoàng Thị Mai B và Nguyễn Vũ H.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bản gốc viết tay Giấy vay tiền đề ngày 25/11/2018 nội Dng H Thị Q vay chị Quàng Thị D 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), đến ngày 10/12/2018 nhận thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) (ký hiệu A1); 01 bản gốc viết tay Giấy hẹn trả tiền đề ngày 27/7/2020 nội Dng H Thị Q hẹn trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho chị Quàng Thị D vào ngày 15/8/2020 (ký hiệu A2); 01 bản gốc đánh máy Giấy vay tiền đề ngày 15/3/2019 nội Dng Nguyễn Thị Phương H vay chị Quàng Thị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) (ký hiệu A3); 01 bản gốc viết tay Giấy hẹn trả tiền đề ngày 26/3/2020 nội Dng Nguyễn Vũ H cam kết có trách nhiệm trả lại 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Quàng Thị D (ký hiệu A4); 01 bản gốc viết tay Giấy hẹn trả tiền đề ngày 21/6/2020 nội Dng Nguyễn Vũ H có vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) của chị Quàng Thị D để xin việc cho chị D, cam kết ngày 30/6/2020 nếu không xin được sẽ trả lại số tiền trên cho chị D (ký hiệu

A5); 01 bản gốc viết tay Giấy hẹn trả tiền đề ngày 11/8/2020 nội Dng Nguyễn Vũ H sẽ có trách nhiệm yêu cầu Hoàng Thị Mai B trả lại tiền xin việc cho chị D (ký hiệu A6); 01 bản gốc viết tay Giấy vay tiền đề ngày 17/12/2018 nội Dng Nguyễn Vũ H vay của H Thị Q 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) (ký hiệu A7). Được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Ngày 12/8/2022 Cơ quan CSĐT Công an tHnh phố Sơn La ra Quyết định trưng cầu giám định số 184/QĐ-ĐTTH giám định chữ viết trên các giấy vay tiền, giấy hẹn trả tiền ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6 với mẫu chữ viết của H Thị Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4; chữ viết phần nội Dng trên các Giấy hẹn trả tiền ký hiệu A4, A5, A6 với mẫu chữ viết của Nguyễn Vũ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5; chữ ký, chữ viết mang tên H Thị Q dưới mục "người vay tiền", dưới dòng chữ "nhận thêm 20 triệu đồng chẵn" trên Giấy vay tiền ký hiệu A1, dưới mục "người viết giấy" trên Giấy hẹn trả tiền ký hiệu A2, dưới mục "người chứng kiến" trên Giấy hẹn trả tiền ký hiệu A5 với các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4; chữ ký dưới mục "người vay" Nguyễn Thị Phương H trên Giấy vay tiền ký hiệu A3 với mẫu so sánh ký hiệu M3, M6; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ H dưới mục "người viết" trên các Giấy hẹn trả tiền ký hiệu A4, A5, A6 với các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5.

Kết luận giám định số 1505/KL-KTHS ngày 07/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

+ Chữ viết phần nội Dng trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của H Thị Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết phần nội Dng trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5, A6 so với chữ viết của Nguyễn Vũ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên H Thị Q dưới mục "Người vay tiền", dưới dòng chữ "Nhận thêm: 20.000.000 (hai mươi triệu đồng chẵn)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, dưới mục "Người viết giấy" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, dưới mục "Người chứng kiến" trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ ký, chữ viết của H Thị Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục "*Người vay*" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Hoàng Thị Mai B trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M6 có phải do cùng một người ký ra hay không. Vì chữ ký trên mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký trên mẫu so sánh.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ H dưới mục "Người viết" trên các

mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Vũ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5 là do cùng một người ký, viết ra.

- Ngày 08/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an tHnh phố Sơn La ra Quyết định trưng cầu giám định số 209/QĐ-ĐTTH giám định chữ viết trên Giấy vay tiền ký hiệu A7 với các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ H dưới mục "người vay" trên Giấy vay tiền ký hiệu A7 với các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5.

Kết luận giám định số 1563/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

+ Chữ viết phần nội Dng trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 so với chữ viết của Nguyễn Vũ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ H dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Vũ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M5 là do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra các bị cáo Hoàng Thị Mai B, Nguyễn Vũ H đã khai nhận Hnh vi phạm tội như đã nêu trên. Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại chị Quàng Thị D là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 07/12/2022, gia đình bị cáo Nguyễn Vũ H đã trả lại cho chị Quàng Thị D 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H Thị Q đã trả cho chị Quàng Thị D 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Sau khi được xác định không có Hnh vi vi phạm pháp luật, chị Quyên có đề nghị được nhận lại số tiền đã trả cho chị D.

Bị hại Quàng Thị D đề nghị được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

Đối với các đối tượng liên quan đến vụ án:

- Chị H Thị Q là người giới thiệu bị hại Quàng Thị D với Nguyễn Vũ H để xin chuyển công tác. Quá trình điều tra xác định, do có mối quan hệ họ Hng với chị D nên đã nhờ H xin chuyển công tác cho chị D. Q đã chuyển toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của chị D cho H. Q không biết động cơ, mục đích phạm tội của H, không được H trao đổi hay hưởng lợi vật chất gì nên không có căn cứ để xác định đồng phạm với bị cáo H.

- Chị Nguyễn Lê N là người được H nhờ giả danh người phụ nữ tên H công tác ở Sở Nội vụ tỉnh Sơn La, gặp chị D để nói đang giải quyết việc chuyển công tác

cho chị D để tạo lòng tin. Quá trình điều tra xác định Hnh vi gian dối của N không có mối quan hệ nhân quả với việc bị hại đưa tiền cho H và B. Kết quả đối chất, chị N không biết việc H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị D, không được hưởng lợi vật chất gì nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

- Anh Trần THnh Nm là chồng của bị cáo Hoàng Thị Mai B. Bị cáo B khai ngày 02/12/2019 đã nhờ anh Nm trả lại cho H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền xin việc của chị D. Việc giao nhận tiền có giấy biên nhận nhưng B không chứng minh được đó là tiền xin chuyển công tác của bị hại. Kết quả đối chất H không thừa nhận đó là số tiền B trả cho bị hại. Ngoài lời khai của B, không còn căn cứ nào khác nên việc B khai đã trả lại cho chị D số tiền trên không có căn cứ. Sau khi nhận 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) từ B, anh Nm đã đưa toàn bộ cho H đồng thời không biết và không liên quan đến việc thực hiện Hnh vi phạm tội của bị cáo B nên không xem xét xử lý.

- Chị Trần Thị Huyền Trang (là vợ của bị cáo H). Quá trình điều tra, bị cáo B khai đã trả lại cho Trang 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền xin việc của bị hại. Việc giao nhận tiền không có giấy biên nhận, B không chứng minh được đó là tiền của bị hại. Kết quả đối chất, chị Trang không thừa nhận đó là số tiền B trả cho bị hại mà là tiền cá nhân B vay chị Trang. Ngoài lời khai của B, không còn căn cứ nào khác nên việc B khai đã trả lại cho bị hại số tiền trên qua chị Trang không có căn cứ.

Do có Hnh vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTP ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Sơn La đã truy tố bị cáo Hoàng Thị B Mai, Nguyễn Vũ H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Sơn La giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Mai B, Nguyễn Vũ H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mai B từ 26 đến 30 tháng tù.

Tổng hợp bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt chung từ 16 năm 02 tháng tù đến 16 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H từ 24 đến 28 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc ông T và bà H1 không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả số tiền 60.000.000đ mà ông bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại chị Quàng Thị D.

Chấp nhận sự thỏa thuận dân sự về việc chị H Thị Q không yêu cầu chị Quàng Thị D phải trả lại cho chị 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) mà chị đã trả cho chị Quàng Thị D trong quá trình điều tra.

Buộc bị cáo Hoàng Thị B Mai phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Quàng Thị D số tiền là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Hoàng Thị B Mai phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị cáo Nguyễn Vũ H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Thị B Mai, Nguyễn Vũ H khai nhận Hnh vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại chị Quàng Thị D có mặt tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Mai B có trách nhiệm trả cho chị số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Dng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần THnh N, chị Trần Thị Huyền Tr, chị Nguyễn Lê N, ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H1 đã được đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến Hnh xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về Hnh vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong thời gian từ khoảng tháng 11/2018 đến tháng 2/2020, mặc dù không có thẩm quyền điều động cán bộ công chức, viên chức công tác trong các cơ quan NH Nước nhưng Hoàng Thị Mai B (nguyên cán bộ Văn phòng UBND tỉnh Sơn La) và Nguyễn Vũ H đã trao đổi, bàn bạc, đưa ra thông tin gian dối, sai sự thật để nhận tiền và hồ sơ xin chuyển công tác với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Quàng Thị D (sinh năm 1986, trú tại bản Hụm, xã Chiềng Xôm, tHnh phố Sơn La). B chủ động đưa ra thông tin về khả năng xin việc, đưa ra mức chi phí mà bị hại phải nộp để xin chuyển công tác; H tiếp nhận ý chí của B, trực tiếp trao đổi, giới thiệu về việc có khả năng xin chuyển công tác trong các cơ quan nH nước, nhận hồ sơ và một phần tiền chi phí của bị hại. Trong đó: H nhận từ Quyên 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của chị D; B trực tiếp nhận của chị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) sau đó B đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hnh vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo và lời khai của bị hại chị Quàng Thị D;

- Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; cùng các chứng cứ tài liệu thu giữ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Kết luận giám định số 1505/KL-KTHS ngày 07/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La;

Kết luận giám định số 1563/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Hnh vi của các bị cáo Hoàng Thị Mai B và Nguyễn Vũ H đã đủ yếu tố cấu tHnh tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo Hoàng Thị Mai B và Nguyễn Vũ H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng các thông tin gian dối về việc xin chuyển việc làm tại các cơ quan NH nước để

chiếm đoạt tài sản của người có nhu cầu xin chuyển việc làm là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện Hnh vi phạm tội. Như vậy, bị cáo Hoàng Thị Mai B và Nguyễn Vũ H chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị 150.000.000 đồng. Do đó vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự: "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ", quy định mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[4] Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm mặc dù bị cáo H là người tiếp nhận thông tin từ chị Quyên và chị D nhưng qua trao đổi với B, B là người chủ động đưa ra các thông tin gian dối về khả năng xin việc làm, đưa ra mức chi phí để bị cáo H trao đổi lại với bị hại, bị cáo H tiếp nhận ý chí của B trao đổi, giới thiệu về việc có khả năng xin chuyển công tác trong các cơ quan nH nước, nhận hồ sơ và một phần tiền chi phí của bị hại, trong đó bị cáo H nhận từ Quyên 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của chị D chuyển. Bị cáo B trực tiếp nhận của chị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do đó, bị cáo B giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Vũ H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai báo; gia đình đã khắc phục số tiền bị cáo đã chiếm đoạt để trả cho bị hại; có bố đẻ được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh Sơn La nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị Mai B: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai báo; quá trình công tác tại Văn phòng UBND tỉnh Sơn La được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ Hnh vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Hoàng Thị Mai B mặc dù không bị coi là có tiền án do tội phạm xảy ra sau nhưng xét xử trước, nhưng bị cáo B đã 02 lần bị xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Tại bản án số 41/2020/HS-ST ngày 14/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh

Sơn La xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tại bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do đó cần thiết xử phạt bị cáo với mức tương xứng với tính chất mức độ Hnh vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Nguyễn Vũ H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh nên căn cứ theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét thấy bị cáo có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội khắc phục, sửa chữa sai lầm trở tHnh công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi Hnh nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H1 (là bố mẹ đẻ) của bị cáo Nguyễn Vũ H đã bồi thường cho bị hại chị Quàng Thị D số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tuấn và bà Hỏa không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả số tiền nêu trên. Xét việc ông Tuấn bà Hỏa không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, chị H Thị Q đã trả cho bị hại chị Quàng Thị D số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng). Tại phiên tòa chị Quyên có ý kiến không yêu cầu chị Quàng Thị D phải hoàn trả số tiền nêu trên. Xét việc chị Quyên không yêu cầu chị D phải hoàn trả số tiền đã bồi thường là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Hoàng Thị Mai B đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, bị cáo còn chiếm đoạt của bị hại Quàng Thị D 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, sau khi đối trừ các phần đã bồi thường của bị cáo Nguyễn Vũ H và người liên quan là chị H Thị Q, bị hại chị Quàng Thị D yêu cầu bị cáo B phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng). Xét đề nghị của bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Mai B phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mai B 28 (hai mươi tám) tháng tù.

Tổng hợp bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian tính từ ngày bị bắt giam ngày 16/3/2021 (ngày bắt tạm giam) của bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 01/3/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Vũ H cho Ủy B nhân dân phường Tô Hiệu, tHnh phố Sơn La, tỉnh Sơn La để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 và 587 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Thị Mai B phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Quàng Thị D số tiền là 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án và Cơ quan thi Hnh án ra quyết định thi Hnh án mà người phải thi Hnh án không thi Hnh thì Hng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân Hng nH nước quy định.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Hoàng Thị Mai B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Vũ H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại chị Quàng Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H Thị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/3/2023);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- Công an TP Sơn La;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNV liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Trại giam CA tỉnh Sơn La;
- THADS TP Sơn La;
- THAPT;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hồng